

Phụ lục VI.2
DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG ĐẠT TIỀN ĐỘ, CHỈ TIÊU
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng 10 năm 2026 của
Chủ tịch UBND thành phố)

Theo Thông báo số 557/TB-VP ngày 08/6/2026 của Văn phòng UBND thành phố và Công văn số 9167/UBND-SYT ngày 12/9/2026:

- **Đối với các xã khu vực miền núi gồm:** Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà, Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc, Trà My, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Leng, Nông Sơn, Quế Phước, Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê, Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Avurong, Tây Giang, Hùng Sơn, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, phần đầu **hoàn thành 100%** số lượng theo các nhóm đối tượng trước mùa mưa bão, trong Quý III/2026.

- **Đối với các đơn vị hành chính cấp xã còn lại** hoàn thành tối thiểu 60% số lượng theo các nhóm đối tượng trước ngày 30/9/2026 và hoàn thành 100% trước ngày 01/12/2026

STT	Địa phương	Số người thuộc diện địa phương tổ chức KSK theo KH số 269/KH-UBND và KH số 410/KH-UBND	Số người đã được địa phương tổ chức KSK	Tỷ lệ %
1	Hội An Tây	2191	1322	60,3%
2	An Thắng	3383	2103	62,2%
3	Đức Phú	889	564	63,4%
4	An Khê	2394	1521	63,5%
5	Phước Trà	3823	2438	63,8%
6	Hòa Cường	1850	1189	64,3%
7	Quế Sơn Trung	2345	1511	64,4%
8	Tam Anh	3010	1953	64,9%
9	Cầm Lệ	1164	761	65,4%
10	Thượng Đức	1112	729	65,6%
11	Tam Mỹ	2594	1733	66,8%
12	Việt An	1329	900	67,7%
13	Hiệp Đức	610	426	69,8%
14	Hà Nha	5078	3637	71,6%
15	Bà Nà	1240	890	71,8%
16	Hòa Vang	1618	1168	72,2%
17	Bàn Thạch	1511	1095	72,5%
18	Quế Phước	2982	2191	73,5%
19	Quế Sơn	2098	1545	73,6%
20	Duy Nghĩa	4330	3192	73,7%
21	Điện Bàn	1718	1267	73,7%
22	Thăng An	3175	2431	76,6%
23	Thăng Điện	3684	2845	77,2%
24	Ngũ Hành Sơn	2989	2340	78,3%
25	Xuân Phú	8835	7413	83,9%
26	Duy Xuyên	2178	1831	84,1%

STT	Địa phương	Số người thuộc diện địa phương tổ chức KSK theo KH số 269/KH-UBND và KH số 410/KH-UBND	Số người đã được địa phương tổ chức KSK	Tỷ lệ %
27	An Hải	1668	1467	87,9%
28	Thăng Phú	977	866	88,6%
29	Quảng Phú	1554	1399	90,0%
30	Thanh Khê	2748	2555	93,0%
31	Tây Hồ	1214	1131	93,2%
32	Sơn Trà	2051	1948	95,0%
33	Hòa Khánh	2105	2028	96,3%
34	Tam Kỳ	1382	1376	99,6%
35	Hương Trà	1927	1924	99,8%
36	Sơn Cẩm Hà	1393	1393	100,0%
37	Hòa Xuân	1148	1148	100,0%
38	Hải Vân	1721	1721	100,0%
39	Liên Chiểu	1188	1188	100,0%
40	Đắc Pring	1017	1017	100,0%